

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI
VÀ KHOÁNG SẢN HOÀNG PHÚC**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

(đã được kiểm toán)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06 - 25
Bảng cân đối kế toán	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 25



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại và Khoáng sản Hoàng Phúc (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại và Khoáng sản Hoàng Phúc hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4900270327 được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lạng Sơn lần đầu ngày 18 tháng 02 năm 2008 và thay đổi lần mới nhất (lần 11) ngày 31 tháng 07 năm 2023.

Trụ sở chính của Công ty tại Khu 6, thị trấn Na Sầm, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ ỦY BAN KIỂM TOÁN

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Thanh Hồng	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Cao Đăng	Thành viên	
Ông Lê Văn Thành	Thành viên	
Ông Phạm Đức Thắng	Thành viên	
Ông Lý Tấn Khoa	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 17 tháng 11 năm 2023)
Ông Nguyễn Trường Sơn	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 17 tháng 11 năm 2023)

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đinh Văn Đức	Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 03 tháng 10 năm 2023)
Ông Nguyễn Trường Sơn	Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 03 tháng 10 năm 2023)
Ông Phạm Duy Tân	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 03 tháng 10 năm 2023)

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này là Ông Lê Thanh Hồng (Chủ tịch Hội đồng quản trị)

Các thành viên Ủy ban kiểm toán bao gồm:

Ông Phạm Đức Thắng	Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán
Ông Lê Văn Thành	Thành viên
Ông Nguyễn Cao Đăng	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;



- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Đình Văn Đức

Tổng Giám đốc

Lạng Sơn, ngày 29 tháng 03 năm 2024



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại và Khoáng sản Hoàng Phúc**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại và Khoáng sản Hoàng Phúc được lập ngày 29 tháng 03 năm 2024, từ trang 06 đến trang 25, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại và Khoáng sản Hoàng Phúc chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện đầy đủ các thủ tục kiểm toán cần thiết theo quy định của hệ thống Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam nhưng vẫn không thể thu thập được đủ các bằng chứng thích hợp để có thể đưa ra được ý kiến đối với Báo cáo tài chính về các vấn đề sau đây:

- Số dư của các khoản công nợ phải thu tại ngày 31/12/2023 và ngày 01/01/2023 chưa được đối chiếu với giá trị lần lượt là 10,19 tỷ VND và 5,41 tỷ VND. Bên cạnh đó, tổng các khoản nợ phải thu tồn đọng có dấu hiệu quá hạn tại ngày 31/12/2023 là 37,22 tỷ VND. Chúng tôi không thể đánh giá được giá trị có thể thu hồi và số liệu cần trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đối với số công nợ phải thu có dấu hiệu quá hạn này.
- Số dư của các khoản công nợ phải trả tại ngày 31/12/2023 và ngày 01/01/2023 chưa được đối chiếu với giá trị lần lượt là 13,15 tỷ VND và 7,59 tỷ VND. Tại thời điểm 31/12/2023 số dư nợ vay và thuế phải nộp nhà nước quá hạn là 7,14 tỷ VND. Ngoài các khoản quá hạn nêu trên, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán về số dư nợ quá hạn cũng như khả năng thanh toán của Công ty đối với các khoản nợ phải trả đang thuyết minh trên báo cáo tài chính.
- Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng để đưa ra ý kiến về việc ghi nhận doanh thu và giá vốn tương ứng đối với một số hợp đồng cung cấp thành phẩm đá với giá trị lần lượt là 5,98 tỷ VND và 2,23 tỷ VND phát sinh trong năm 2023.
- Việc ghi nhận doanh thu, giá vốn của hoạt động kinh doanh hàng hóa thiết bị, vật tư y tế trong năm 2022 với giá trị lần lượt là 90,62 tỷ VND và 58,44 tỷ VND.
- Hoạt động khai thác, sản xuất và kinh doanh tại mỏ đá Lũng Cù, xã Hoàng Việt, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn theo giấy phép khai thác của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn số 02/GP-UBND ngày 19 tháng 01 năm 2016. Công ty tạm dừng khai thác từ năm 2020, mới khôi phục lại hoạt động khai thác và sản xuất từ quý IV/2023 tuy nhiên báo cáo tài chính chưa thể hiện việc ghi nhận các khoản tiền cấp quyền khai thác, ký quỹ hoàn nguyên môi trường và trích trước các nghĩa vụ hoàn nguyên theo quy định của pháp luật về hoạt động khai thác khoáng sản.

- Báo cáo tài chính của Công ty đang trình bày số dư hàng tồn kho tại thời điểm 31/12/2023 với giá trị là 0,19 tỷ VND, chúng tôi không thể tham gia chứng kiến kiểm kê thực tế hàng tồn kho tại thời điểm trên do được bổ nhiệm kiểm toán sau thời điểm kết thúc năm tài chính 31/12/2023. Bằng các thủ tục kiểm toán thay thế, chúng tôi không thể khẳng định được về tính hiện hữu đối với số dư hàng tồn kho tại ngày 31/12/2023 trên báo cáo tài chính của Công ty.
- Chúng tôi được bổ nhiệm kiểm toán sau thời điểm kết thúc năm tài chính tại các thời điểm 31/12/2023 và 31/12/2022 do đó chúng tôi không thể thu thập được các bằng chứng kiểm toán để đánh giá được tính hiện hữu, hiện trạng cũng như giá trị sử dụng hữu ích của các tài sản cố định của Công ty được ghi nhận trên Báo cáo tài chính với giá trị còn lại lần lượt là 11,21 tỷ VND và 12,78 tỷ VND.
- Tại ngày 31/12/2023, Báo cáo tài chính của Công ty phản ánh số dư khoản cho Công ty TNHH Đầu tư và Quản lý Hoàng Phúc (Cổ đông lớn) vay theo hợp đồng cho vay tiền ngày 23/11/2020 là 1,55 tỷ VND (số gốc vay ban đầu là 1,75 tỷ VND). Khoản vay này đã quá hạn và Công ty đã trích lập dự phòng số tiền 776 triệu VND. Việc cho cổ đông vay là chưa phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-2020 ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán. Đối với số dự phòng mà Công ty đã trích lập, Chúng tôi không thể đánh giá liệu có cần thiết phải điều chỉnh hay không.

Từ chối đưa ra ý kiến

Do tầm quan trọng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính đính kèm.

Vấn đề nhấn mạnh

Công ty tạm dừng khai thác từ năm 2020 và mới khôi phục lại hoạt động khai thác từ quý IV/2023, văn phòng đại diện tại Thành phố Hồ Chí Minh tạm dừng hoạt động từ cuối năm 2022. Công ty tồn tại một số khoản công nợ phải thu có giá trị lớn chưa được thu hồi được với giá trị 37,22 tỷ VND. Do đó dẫn đến khó khăn trong việc thanh toán các khoản nợ phải trả đến hạn như nợ gốc vay quá hạn và nợ thuế phải nộp quá hạn nhà nước giá trị 7,14 tỷ VND. Công ty đang bị cưỡng chế hóa đơn thời hạn 01 năm từ ngày 04/04/2023 theo Quyết định số 190/QĐ-CCT ngày 09/04/2023 của Chi cục thuế thành phố - Cục thuế tỉnh Lạng Sơn do chậm thanh toán các khoản nợ thuế. Những vấn đề này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty vẫn được trình bày trên cơ sở giả định về khả năng hoạt động liên tục với các lý do đã trình bày tại Thuyết minh số 01.

Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến kiểm toán từ chối đưa ra ý kiến nêu trên của chúng tôi.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại và Khoáng sản Hoàng Phúc cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 được kiểm toán bởi Kiểm toán viên và Công ty khác. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính theo báo cáo kiểm toán phát hành ngày 31/03/2023.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Phạm Anh Tuấn

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số: 0777-2023-002-1

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2024

Nguyễn Trường Minh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số: 2290-2023-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		48.075.437.504	38.082.899.026
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	96.541.350	11.571.939
111	1. Tiền		96.541.350	11.571.939
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		46.875.302.192	37.315.234.497
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	41.230.896.264	35.672.149.764
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	3.355.045.111	135.201.007
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	6	1.552.000.000	1.552.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	1.513.360.817	731.883.726
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(776.000.000)	(776.000.000)
140	III. Hàng tồn kho	9	191.032.379	-
141	1. Hàng tồn kho		191.032.379	
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		912.561.583	756.092.590
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		22.500.000	27.120.835
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		890.061.583	728.971.755
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		14.378.988.964	16.098.733.759
220	I. Tài sản cố định		14.378.988.964	16.098.733.759
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	11.214.737.589	12.783.177.576
222	- Nguyên giá		25.167.861.312	25.066.009.460
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(13.953.123.723)	(12.282.831.884)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	3.164.251.375	3.315.556.183
228	- Nguyên giá		4.236.534.500	4.236.534.500
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.072.283.125)	(920.978.317)
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		62.454.426.468	54.181.632.785



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023
(Tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		23.736.267.065	16.109.971.179
310	I. Nợ ngắn hạn		23.736.267.065	16.109.971.179
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	1.783.651.619	1.409.041.584
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13	2.120.461.296	837.386.876
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	6.102.373.234	5.573.750.177
314	4. Phải trả người lao động		2.007.113.304	2.015.725.245
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		356.083.147	95.338.803
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	15	4.299.193.387	3.214.727.413
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	16	7.067.391.078	2.964.001.081
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		38.718.159.403	38.071.661.606
410	I. Vốn chủ sở hữu	17	38.718.159.403	38.071.661.606
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		38.000.000.000	38.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		38.000.000.000	38.000.000.000
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		718.159.403	71.661.606
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		71.661.606	(14.304.598.060)
421b	- LNST chưa phân phối năm nay		646.497.797	14.376.259.666
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		62.454.426.468	54.181.632.785



Trần Thị Nguyệt
Người lập biểu



Trần Thị Nguyệt
Kế toán trưởng



Đình Văn Đức
Tổng Giám đốc
Lạng Sơn, ngày 29 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	5.981.482.080	90.625.944.423
10	2. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		5.981.482.080	90.625.944.423
11	3. Giá vốn hàng bán	20	2.232.463.609	58.436.250.916
20	4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		3.749.018.471	32.189.693.507
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính		53.735	102.195
22	6. Chi phí tài chính	21	260.744.344	45.338.803
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		260.744.344	45.338.803
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	909.675.541	9.372.007.798
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		2.578.652.321	22.772.449.101
31	9. Thu nhập khác	23	309.714.651	6.977.737.139
32	10. Chi phí khác	24	1.664.195.781	10.805.588.346
40	11. Lợi nhuận khác		(1.354.481.130)	(3.827.851.207)
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1.224.171.191	18.944.597.894
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	25	577.673.394	4.568.338.228
60	14. Lợi nhuận sau thuế TNDN		<u>646.497.797</u>	<u>14.376.259.666</u>
70	15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	26	170	3.783

Trần Thị Nguyệt
Người lập biểu


Trần Thị Nguyệt
Kế toán trưởng




Đình Văn Đức
Tổng Giám đốc
Lạng Sơn, ngày 29 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Năm 2023
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		1.224.171.191	18.944.597.894
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		1.821.596.647	2.267.503.209
03	- Các khoản dự phòng		-	(524.085.200)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(53.735)	(68.964.233)
06	- Chi phí lãi vay		260.744.344	45.338.803
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		3.306.458.447	20.664.390.473
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(9.721.157.523)	(28.930.007.460)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(191.032.379)	410.317
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả		2.684.488.151	8.848.011.005
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		4.620.835	(27.120.835)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(3.916.622.469)	555.683.500
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác		(101.851.852)	-
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	1.000.000.000
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		53.735	102.195
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(101.798.117)	1.000.102.195
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		4.845.269.996	2.209.085.312
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(741.879.999)	(3.763.707.683)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		4.103.389.997	(1.554.622.371)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		84.969.411	1.163.324
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		11.571.939	10.408.615
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	96.541.350	11.571.939


Trần Thị Nguyệt
Người lập biểu


Trần Thị Nguyệt
Kế toán trưởng


Đinh Văn Đức
Tổng Giám đốc
Lạng Sơn, ngày 29 tháng 03 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2023

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại và Khoáng sản Hoàng Phúc hoạt động theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 4900270327 được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lạng Sơn lần đầu ngày 18 tháng 02 năm 2008 và cấp lần mới nhất (lần 11) ngày 31 tháng 07 năm 2023.

Trụ sở chính của Công ty tại Khu 6, thị trấn Na Sầm, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn.

Vốn điều lệ của Công ty là: 38.000.000.000 VND tương đương với 3.800.000.000 cổ phiếu mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là: 06 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 13 người).

Lĩnh vực kinh doanh: Khai thác và thương mại.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Khai thác quặng sắt, kim loại khác
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét
- Xây dựng nhà, công trình đường bộ, công trình cấp thoát nước, viễn thông...
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
Văn phòng đại diện tại Thành phố Hồ Chí Minh	Lầu 10 Vietcombank Tower, số 5 Công trường Mê Linh, phường Bến Nghé, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Văn phòng đại diện tại Hải Dương	Số 250 Quang Trung, phường Quang Trung, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Công ty dừng hoạt động kinh doanh chính là khai thác mỏ từ năm 2020 và mới khôi phục lại từ quý IV/2023, văn phòng đại diện tại Thành phố Hồ Chí Minh tạm dừng hoạt động từ cuối năm 2022. Công ty tồn tại một số khoản công nợ phải thu có giá trị lớn chưa được thu hồi dẫn đến khó khăn trong việc thanh toán các khoản nợ phải trả đến hạn trong đó số dư gốc vay quá hạn phải trả là 1,61 tỷ VND và số dư thuế phải nộp nhà nước quá hạn là 5,52 tỷ VND. Công ty đang bị cưỡng chế hóa đơn thời hạn 01 năm từ ngày 04/04/2023 theo Quyết định số 190/QĐ-CCT ngày 09/04/2023 của Chi cục thuế thành phố - Cục thuế tỉnh Lạng Sơn do chậm thanh toán các khoản nợ thuế. Những vấn đề này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, báo cáo tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2023 vẫn được lập dựa trên cơ sở giả định hoạt động liên tục do:

- Ban Tổng Giám đốc cam kết thu hồi các khoản phải thu đồng thời đàm phán gia hạn các khoản nợ vay đến hạn trả, tiếp tục triển khai các hoạt động khai thác, chế biến và thương mại các thành phẩm đá tại mỏ đá vôi Lũng Cùn, xã Hoàng Việt, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn.
- Cổ đông của Công ty cam kết hỗ trợ tài chính cần thiết nhằm duy trì hoạt động liên tục của Công ty trong thời gian tới.

2 CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Mức phân bổ chi phí trả trước;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.4 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.5 Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng

khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.7 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 28 năm
- Máy móc, thiết bị	03 – 15 năm
- Các tài sản khác	03 năm
- Quyền sử dụng đất	30 năm

2.8 Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.9 Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 03 tháng đến 12 tháng.

Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 03 đến 12 tháng.

2.10 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.11 Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.12 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.13 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí trích trước cho hoạt động kinh doanh, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.14 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2.15 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.16 Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.17 Chi phí tài chính

Khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là chi phí đi vay vốn;

Khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.18 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.19 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.21 Thông tin bộ phận

Do hoạt động chủ yếu trong năm là khai thác, sản xuất thành phẩm đá trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3 TIỀN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	47.179.126	-
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	49.362.224	11.571.939
	96.541.350	11.571.939

4 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Bên liên quan	30.000.000	-	30.000.000	-
Công ty TNHH Đầu tư và Quản lý Hoàng Phúc	30.000.000	-	30.000.000	-
Bên khác	41.200.896.264	-	35.642.149.764	-
Công ty TNHH Thương mại tổng hợp Vinatrading	32.680.888.655	-	32.680.888.655	-
Ông Vũ Ngọc Viên	2.961.261.109	-	2.961.261.109	-
Công ty CP Khoáng sản Cổ Kênh	4.784.609.005	-	-	-
Các khách hàng khác	774.137.495	-	-	-
	41.230.896.264	-	35.672.149.764	-

5 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Bên khác				
Công ty TNHH Cơ khí Xây dựng Thành Phát	979.427.200	-	-	-
Nguyễn Văn Nghĩa	390.000.000	-	-	-
Lê Như Nam	352.000.000	-	-	-
Công ty TNHH Long Bình Phát	350.000.000	-	-	-
Các khách hàng khác	1.283.617.911	-	135.201.007	-
	3.355.045.111	-	135.201.007	-

6 PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	01/01/2023		31/12/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan				
Công ty TNHH đầu tư và quản lý Hoàng Phúc (i)	1.552.000.000	(776.000.000)	1.552.000.000	(776.000.000)
	1.552.000.000	(776.000.000)	1.552.000.000	(776.000.000)

(i) Khoản phải thu từ cho vay với Công ty TNHH Đầu tư và Quản lý Hoàng Phúc (Cổ đông lớn) theo hợp đồng cho vay tiền ngày 23/11/2020, số tiền gốc cho vay 1.750.000.000 VND, thời hạn cho vay 06 tháng với lãi suất 0%. Mục đích sử dụng vốn chỉ dùng cho hoạt động kinh doanh nhằm mang lại nguồn doanh thu cho bên đi vay, chi trả các khoản thuế, phí cho nhà nước, chi phí cố định, chi trả lương cho cán bộ nhân viên và chi trả các khoản nợ đến hạn khác. Khoản cho vay này đã quá hạn thanh toán nên Công ty đã trích lập dự phòng 776.000.000 VND.

7 PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu về tạm ứng	680.713.200	-	-	-
Ký cược, ký quỹ	620.085.312	-	620.085.312	-
Phải thu khác	212.562.305	-	111.798.414	-
	1.513.360.817	-	731.883.726	-

8 NỢ XẤU

Các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH đầu tư và quản lý Hoàng Phúc	1.582.000.000	806.000.000	1.582.000.000	806.000.000
Ông Vũ Ngọc Viên	2.961.261.109	2.961.261.109	2.961.261.109	2.961.261.109
Công ty TNHH Thương mại tổng hợp Vinatrading	32.680.888.655	32.680.888.655	32.680.888.655	32.680.888.655
	37.224.149.764	36.448.149.764	37.224.149.764	36.448.149.764

9 HÀNG TỒN KHO

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	190.938.520	-	-	-
Thành phẩm	93.859	-	-	-
	191.032.379	-	-	-

10 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Tài sản cố định khác		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Nguyên giá							
Số dư đầu năm	10.688.734.577	14.339.274.883	38.000.000	25.066.009.460			
- Mua trong năm	-	101.851.852	-	101.851.852			
Số dư cuối năm	10.688.734.577	14.441.126.735	38.000.000	25.167.861.312			
Giá trị hao mòn lũy kế							
Số dư đầu năm	3.915.623.845	8.329.208.039	38.000.000	12.282.831.884			
- Khấu hao trong năm	322.390.847	1.347.900.992	-	1.670.291.839			
Số dư cuối năm	4.238.014.692	9.677.109.031	38.000.000	13.953.123.723			
Giá trị còn lại							
Tại ngày đầu năm	6.773.110.732	6.010.066.844	-	12.783.177.576			
Tại ngày cuối năm	6.450.719.885	4.764.017.704	-	11.214.737.589			

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 3.006.848.214 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 3.006.848.214 VND).

11 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Quyền sử dụng đất tại thôn Lũng Củng, xã Hoàng Việt, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn với diện tích 39.459,6 m². Nguyên giá của tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 4.236.534.500 VND với giá trị hao mòn lũy kế tại các thời điểm trên lần lượt là 1.072.283.125 VND và 920.978.317 VND, giá trị khấu hao trong năm là 151.304.808 VND.

12 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Bên khác				
Công ty Liên doanh TNHH Vietcombank - Bonday - Ben Thanh	626.523.548	626.523.548	626.523.548	626.523.548
Công ty CP Dịch vụ và Xây dựng Thăng Long	635.268.000	635.268.000	635.268.000	635.268.000
Các người bán khác	521.860.071	521.860.071	147.250.036	147.250.036
	1.783.651.619	1.783.651.619	1.409.041.584	1.409.041.584

13 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Bên khác		
Chi nhánh Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Cửu Long tại Lạng Sơn	830.756.876	830.756.876
Doanh nghiệp tư nhân Nguyễn Thành	425.810.000	-
Công ty CP Xây dựng Quang Thảo	500.000.000	-
Công ty TNHH Thi công Xây dựng Tiến Minh	330.000.000	-
Các khoản người mua trả tiền trước khác	33.894.420	6.630.000
	2.120.461.296	837.386.876

14 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp/ điều chỉnh trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải nộp cuối năm (i)
	VND	VND	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.658.733.835	577.552.132	-	5.236.285.967
Thuế thu nhập cá nhân	240.748.174	(118.541.110)	-	122.207.064
Thuế tài nguyên	44.467.024	17.417.329	-	61.884.353
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	23.128.767	(21.599.193)	-	1.529.574
Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	15.165.642	(15.165.642)	-	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	591.506.735	193.489.115	104.529.574	680.466.276
	5.573.750.177	633.152.631	104.529.574	6.102.373.234

(i) Theo thông báo số 180/TB-CCT ngày 17/01/2024 của Chi cục thuế khu vực III – Cục thuế tỉnh Lạng Sơn số tiền thuế nợ chưa nộp ngân sách nhà nước tính đến ngày 31/12/2023 là 5.524.699.840 VND.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách

khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	6.898.000	-
Bảo hiểm xã hội	320.670.158	155.165.858
Bảo hiểm y tế	15.520.500	-
Bảo hiểm thất nghiệp	3.449.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.952.655.729	3.059.561.555
- Khoản phải trả Công ty TNHH Logistics Bắc Giang	3.000.000.000	3.000.000.000
- Bà Hoàng Thị Hương	602.806.800	-
- Các khoản khác	349.848.929	59.561.555
	<u>4.299.193.387</u>	<u>3.214.727.413</u>

16 VAY NGẮN HẠN

	01/01/2023		Trong năm		31/12/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn						
- Ông Lê Thanh Hồng (i)	1.349.085.312	1.349.085.312	1.335.270.000	160.000.000	2.524.355.312	2.524.355.312
- Bà Phạm Thị Tính (ii)	1.614.915.769	1.614.915.769	-	-	1.614.915.769	1.614.915.769
- Ông Lý Tấn Khoa (iii)	-	-	3.509.999.996	581.879.999	2.928.119.997	2.928.119.997
	2.964.001.081	2.964.001.081	4.845.269.996	741.879.999	7.067.391.078	7.067.391.078

(i) Khoản vay ngắn hạn ông Lê Thanh Hồng – Bên liên quan theo hợp đồng và các phụ lục gia hạn hợp đồng kèm theo Hợp đồng hạn mức cho vay vốn lưu động số 05/2022/HĐVV-HPM ngày 01/08/2022, số tiền vay tối đa 10.000.000.000 VND, thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày giải ngân, lãi suất 7,5%/năm, hình thức đảm bảo tín chấp với mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty.

(ii) Khoản vay ngắn hạn bà Phạm Thị Tính theo hợp đồng vay vốn ngày 16/10/2019 số tiền vay là 1.683.661.390 VND, thời hạn vay là 03 tháng kể từ ngày 16/10/2019, lãi suất cho vay là 0%/năm, hình thức đảm bảo tín chấp với mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty. Toàn bộ gốc vay của bà Phạm Thị Tính tại thời điểm 31/12/2023 là 1.614.915.769 VND đã quá hạn thanh toán.

(iii) Khoản vay ngắn hạn ông Lý Tấn Khoa theo hợp đồng cho vay tiền ngày 20/09/2023 và các phụ lục hợp đồng kèm theo với giá trị khoản vay 5 tỷ VND thời hạn cho vay là 06 tháng, thời điểm giải ngân theo nhu cầu vốn thực tế của mô đã Hoàng Phúc, lãi suất cho vay là 1%/tháng, hình thức đảm bảo tín chấp với mục đích cho vay là phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của mô đã Hoàng Phúc do Công ty làm chủ đầu tư theo kế hoạch được cả hai bên thống nhất.

Các khoản vay với các bên liên quan

	31/12/2023		01/01/2023	
	Gốc	Lãi	Gốc	Lãi
	VND	VND	VND	VND
Mối quan hệ				
Chủ tịch HĐQT	2.524.355.312	168.640.517	1.349.085.312	-
Thành viên HĐQT	2.928.119.997	92.103.827	-	-
	5.452.475.309	260.744.344	1.349.085.312	-

Vay

- Ông Lê Thanh Hồng
- Ông Lý Tấn Khoa

17 VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	38.000.000.000	(14.304.598.060)	23.695.401.940
Lãi trong năm trước	-	14.376.259.666	14.376.259.666
Số dư cuối năm trước	38.000.000.000	71.661.606	38.071.661.606
Số dư đầu năm nay	38.000.000.000	71.661.606	38.071.661.606
Lãi trong năm nay	-	646.497.797	646.497.797
Số dư cuối năm nay	38.000.000.000	718.159.403	38.718.159.403

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2023	Tỷ lệ	01/01/2023	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Ông Lê Thanh Hồng	9.183.000.000	24,17	9.183.000.000	24,17
Ông Lê Văn Thành	8.324.000.000	21,91	8.324.000.000	21,91
Công ty TNHH Đầu tư và Quản lý Hoàng Phúc	5.697.000.000	14,99	5.697.000.000	14,99
Ông Nguyễn Cao Đăng	5.312.000.000	13,98	5.312.000.000	13,98
Ông Trịnh Anh Tuấn	3.800.000.000	10,00	3.800.000.000	10,00
Ông Nguyễn Đức Hưng	1.935.000.000	5,09	1.935.000.000	5,09
Các cổ đông khác	3.749.000.000	9,86	3.749.000.000	9,86
	38.000.000.000	100	38.000.000.000	100

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	38.000.000.000	38.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	38.000.000.000	38.000.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2023	01/01/2023
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.800.000	3.800.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.800.000	3.800.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>3.800.000</i>	<i>3.800.000</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.800.000	3.800.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>3.800.000</i>	<i>3.800.000</i>
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ Cổ phiếu		

18 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Tài sản thuê ngoài

Hợp đồng thuê đất giữa Công ty và Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Lạng Sơn theo hợp đồng thuê đất số 77/HĐTĐ ngày 31/10/2016 với diện tích đất cho thuê là 50.455,5 m² tại thôn Lũng Cù, xã Hoàng Việt, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn. Thời hạn thuê đất từ ngày ký hợp đồng cho thuê đất đến ngày 27/10/2045, mục đích sử dụng đất thuê để sử dụng làm Văn phòng làm việc và đất sản xuất vật liệu xây dựng. Phương thức nộp tiền thuê đất là nộp tiền thuê hàng năm.

b) Ngoại tệ các loại

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
USD	201,32	201,32
CNY	88,54	88,54

19 TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG

	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
	VND	VND
Doanh thu bán vật tư thiết bị y tế	-	90.625.944.423
Doanh thu bán thành phẩm đá	5.981.482.080	-
	<u>5.981.482.080</u>	<u>90.625.944.423</u>

20 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
	VND	VND
Giá vốn của vật tư thiết bị y tế	-	58.436.250.916
Giá vốn của thành phẩm đá bán	2.232.463.609	-
	<u>2.232.463.609</u>	<u>58.436.250.916</u>

21 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
	VND	VND
Lãi tiền vay	260.744.344	45.338.803
	<u>260.744.344</u>	<u>45.338.803</u>

22 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nhân công	762.520.016	4.311.553.681
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	27.120.835	1.998.777.711
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	484.211.096
Chi phí/(Hoàn nhập) dự phòng	-	(524.085.200)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	103.025.280	3.073.812.665
Chi phí khác bằng tiền	14.009.410	27.737.845
	909.675.541	9.372.007.798

23 THU NHẬP KHÁC

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Thu từ chuyển nhượng dự án trạm trộn bê tông	-	6.908.575.101
Thu thanh lý nhượng bán tài sản cố định	-	68.862.038
Thu nhập khác	309.714.651	300.000
	309.714.651	6.977.737.139

24 CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Giá trị dự án trạm trộn bê tông chuyển nhượng	-	6.908.495.101
Khấu hao TSCĐ trong thời gian dừng hoạt động	1.366.197.485	2.267.503.209
Các khoản bị phạt	277.998.296	482.771.020
Các khoản khác	20.000.000	1.146.819.016
	1.664.195.781	10.805.588.346

25 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	1.224.171.191	18.944.597.894
Các khoản điều chỉnh tăng	1.664.195.781	3.897.093.245
- Chi phí khấu hao dừng hoạt động	1.366.197.485	2.267.503.209
- Chi phí phạt thuế, phạt vi phạm hành chính	277.998.296	482.771.020
- Chi phí không được trừ khác	20.000.000	1.146.819.016
Thu nhập chịu thuế TNDN	2.888.366.972	22.841.691.139
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	577.673.394	4.568.338.228
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào thuế TNDN phải nộp năm nay	(121.262)	90.395.607
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	4.658.733.835	-
Thuế TNDN đã nộp trong năm	-	-
Tổng thuế TNDN phải nộp cuối năm	5.236.285.967	4.658.733.835

26 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	646.497.797	14.376.259.666
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	646.497.797	14.376.259.666
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	3.800.000	3.800.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	170	3.783

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập báo cáo tài chính.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

27 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	166.813.706	-
Chi phí nhân công	1.177.590.950	4.311.553.681
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	27.120.835	1.998.777.711
Chi phí khấu hao tài sản cố định	455.399.162	-
Thuế, phí và lệ phí	103.000.000	484.211.096
Chi phí dự phòng	-	(524.085.200)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.082.037.410	3.073.812.665
Chi phí khác bằng tiền	130.270.946	27.737.845
	3.142.233.009	9.372.007.798

28 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên báo cáo tài chính này.

29 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Đầu tư và Quản lý Hoàng Phúc Ông Lê Thanh Hồng Ông Nguyễn Trường Sơn	Cổ đông lớn Chủ tịch HĐQT Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 17/11/2023) kiêm Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 03/10/2023)
Ông Lý Tấn Khoa	Thành viên HĐQT (bổ nhiệm ngày 17/11/2023)
Ông Lê Văn Thành	Thành viên HĐQT kiêm Thành viên Ủy ban Kiểm toán

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Ông Phạm Đức Thắng	Thành viên HĐQT kiêm Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán
Ông Nguyễn Cao Đăng	Thành viên HĐQT kiêm Thành viên Ủy ban Kiểm toán
Ông Đinh Văn Đức	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 03/10/2023)
Ông Phạm Duy Tân	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 03/10/2023)

Thù lao, tiền lương và các khoản thu nhập khác của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và người quản lý khác như sau:

	<u>Chức vụ</u>	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
		VND	VND
Ông Lê Thanh Hồng	Chủ tịch HĐQT	-	13.500.000
Ông Nguyễn Trường Sơn	Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 17/11/2023) kiêm Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 03/10/2023)	307.647.500	427.038.000
Ông Lý Tấn Khoa	Thành viên HĐQT (bổ nhiệm ngày 17/11/2023)	-	-
Ông Lê Văn Thành	Thành viên HĐQT kiêm Thành viên Ủy ban Kiểm toán	-	13.500.000
Ông Phạm Đức Thắng	Thành viên HĐQT kiêm Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán	-	13.500.000
Ông Nguyễn Cao Đăng	Thành viên HĐQT kiêm Thành viên Ủy ban Kiểm toán	54.000.000	13.500.000
Ông Đinh Văn Đức	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 03/10/2023)	256.569.000	72.172.375
Ông Phạm Duy Tân	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 03/10/2023)	54.000.000	-

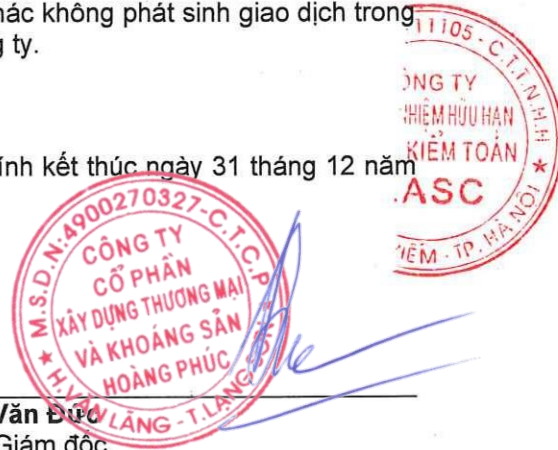
Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

30 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được Công ty TNHH Kiểm toán An Việt kiểm toán.

Trần Thị Nguyệt
 Người lập biểu

Trần Thị Nguyệt
 Kế toán trưởng



Đinh Văn Đức
 Tổng Giám đốc
 Lạng Sơn, ngày 29 tháng 03 năm 2024